

Số: 47/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 18 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 2004; Địa chỉ: Bản H L, phường M Th, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Lò Văn L, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Bản H L, phường M Th, tỉnh Đ.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận T ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận T ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và Lò Văn L thuận T ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Lò Văn L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lò Yến Nhi, sinh ngày 25/4/2020 và Lò Xuân Trường, sinh ngày 04/3/2022 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lò Xuân Trường, sinh ngày 04/3/2022. mức cấp dưỡng là: 2.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2026 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Hình thức cấp dưỡng theo tháng.

Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn L phải chịu lãi suất chậm thi hành đối với khoản nghĩa vụ cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về; nợ phải trả và diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chị L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp thông báo số 197 ngày 23/02/2026 của TAND khu vực 2 - Điện Biên (**mã thông báo số QW18XIWA18**) biên lai số: 08 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 2 - ĐB;
- UBND phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên (Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền

